TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phùng

2. Ông Nguyễn Văn Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Trọng Thế – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 86/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Lệ H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trúc P, sinh năm 1975. Hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú hiện nay: Ấp E, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Phan Lệ H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trúc P do tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre vào năm 2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã T, huyện Mỏ Cày (nay là Mỏ Cày Bắc), tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu, anh chị sống hạnh phúc. Đến năm 2012 thì mất hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Chị và anh P đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, chị về nhà mẹ ruột sống. Nay chị không còn tình cảm với anh P và thấy không thể tiếp tục hôn nhân nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trúc P.

Về nuôi con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Xuân Y, sinh năm 1996 (đã trưởng thành) và Nguyễn Trọng D, sinh ngày 17/8/2010. Nay ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu D, không yêu cầu anh Pcấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống chị và anh P không có tài sản chung và cũng không có nợ ai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2019, bị đơn anh Nguyễn Trúc P trình bày:

Anh và chị Phan Lệ H do quen biết, tự tìm hiểu tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C. Sau khi kết hôn anh chị sống tại xã T sau đó chuyển về xã C vì vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Chị H đang sống tại nhà mẹ ruột và anh chị đã sống ly thân hơn 01 năm. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì vẫn còn thương vợ và không muốn các con bị ảnh hưởng vì cha mẹ ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Xuân Y, sinh năm 1996 (đã trưởng thành) và Nguyễn Trọng D, sinh ngày 17/8/2010. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H thì anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai.

Tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 21/5/2019, cháu Nguyễn Trọng D trình bày:

Cháu đang sống cùng mẹ tại nhà ông bà ngoại ở xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre. Nếu cha mẹ cháu ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ vì sống với mẹ cháu được đảm bảo điều kiện để học tập, vui chơi.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Lệ H; Về nuôi con chung: Chị H và anh P có 02 con chung tên Nguyễn Thị Xuân Y, sinh năm 1996 (đã trưởng thành) và Nguyễn Trọng D, sinh ngày 17/8/2010. Sau khi ly hôn, chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bằng, ghi nhận chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu D. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh P cùng khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, phát biểu của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

[1] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 27/5/2019 và bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ theo Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Lệ H đối với anh Nguyễn Trúc P:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Trúc P và chị Phan Lệ H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị H nhìn nhận mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau. Chị và anh P đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Còn anh P thì trình

bày anh và chị H không còn sống chung khoảng hơn 01 năm do vợ chồng không còn tình cảm với nhau nhưng anh không đồng ý ly hôn vì còn thương chị H và không muốn các con bị ảnh hưởng bởi việc ly hôn của cha mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn anh P và chị H không cùng nhau vun đắp tình cảm, xây dựng gia đình hạnh phúc tiến bộ mà ngược lại đã để cho những mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, dẫn đến chị H đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh P. Anh P không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm với chị H và xin vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn tình cảm, đoàn tụ. Ngoài ra, qua xác minh đối với cha ruột của anh P thì trong quá trình chung sống anh P và chị H thường bất đồng quan điểm sống và hiện anh chị không còn sống chung với nhau. Điều đó chứng minh cuộc sống hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh P.

Về nuôi con chung: Anh P và chị H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Xuân Y, sinh ngày 01/02/1996 (đã trưởng thành) và Nguyễn Trọng D, sinh ngày 17/8/2010. Nay ly hôn, anh P và chị H đều thống nhất chị H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng được sống cùng mẹ của cháu Bằng nên để chị H tiếp tục nuôi cháu D là phù hợp nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất, tinh thần cũng như tâm sinh lý của cháu. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu D.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Pvà chị H đều xác định giữa anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án.

[3] Về án phí: Chị Phan Lệ H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Lệ H.

Chị Phan Lệ H được ly hôn với anh Nguyễn Trúc P.

[2] Về nuôi con chung: Chị Phan Lệ H và anh Nguyễn Trúc P có 02 con chung tên Nguyễn Thị Xuân Y, sinh ngày 01/02/1996 (đã trưởng thành) và Nguyễn Trọng D, sinh ngày 17/8/2010. Sau khi ly hôn, chị Phan Lệ H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trọng D, sinh ngày 17/8/2010. Anh Nguyễn Trúc P không phải cấp dưỡng nuôi cháu D do chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Lệ H và anh Nguyễn Trúc P thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phan Lệ H phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0000501 ngày 13/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

[5] Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

[6] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã C (11; 28/02/2005);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Đỉnh